TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TINH HÀ GIANG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 15/2019/ST- HNGĐ
Ngày: 16/10 /2019
V/v Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sùng Thị Mai
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Đình Thi
2. Bà Khuất Thị Toàn

- Thư ký phiên tòa: Ông : Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019 tại Hội trường xét xử dân sự Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 155/2019/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 về việc ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXX-ST ngày 01 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lý Thị Đ - sinh năm: 1988.(*Có mặt*).
Địa chỉ: Thôn L, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang.
2. Bị đơn: Anh Lý Văn G - sinh năm: 1985. (*Có mặt*).
Địa chỉ: Thôn T, xã P, Thành phố H, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/05/2019 và quá trình tố tụng chị Lý Thị Đ trình bầy: Chị và anh G kết hôn chung sống với nhau từ đầu năm 2009, theo phong tục anh G đi ở rể tại gia đình nhà chị Đ, năm 2010 chị Đ sinh cháu N, và đến ngày 18/12/2015, chị và anh Giang mới ra đăng ký tại UBND xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Việc kết hôn do tự nguyện. Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng luôn căng thẳng, anh G thường xuyên rượu chè, mải mê chơi bời, bỏ bê công việc, do vậy từ mâu thuẫn nhỏ dần đến mâu thuẫn lớn không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh G không tu chí làm ăn xây dựng hạnh phúc gia đình, nhiều lần chị và gia đình bố mẹ hai bên đã khuyên can, nhưng anh vẫn không sửa đổi, thường xuyên vắng nhà, mỗi lần về nhà anh lại sinh chuyện đánh đập chị Đ, chị thấy không thể duy trì hạnh phúc với anh G được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lý Văn G.

Về con chung anh chị có một con chung là cháu Lý Thị N - sinh ngày 09/03/2010. Sau ly hôn, chị Đ có nguyện vọng nhận nuôi cháu N, không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: chị và anh G không có tài sản chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lý Văn G trình bầy việc anh và chị Đ chung sống có con chung, cưới xin theo phong tục dân tộc từ đầu năm 2009, đến năm 2015 anh và chị Đ mới đăng ký kết hôn đúng như chị Đ trình bầy, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn gia đình do bố mẹ chị Đ không muốn để anh G sống cùng trong nhà bố mẹ chị Đ, bản thân anh G thường xuyên phải đi làm ăn, ít có thời gian phụ giúp việc gia đình đồng án dẫn tới gia đình bố mẹ chị Đ không thích anh G, đuổi anh G ra khỏi nhà, luôn sui chị Đ ly hôn anh G để lấy chồng khác, bản thân anh G ra thành phố làm thuê, tình cảm vợ chồng mai một, nay anh G không muốn ly hôn, nhưng chị Đ vẫn nhất quyết ly hôn anh G hoàn toàn đông ý. Đề nghị Tòa án giải quyết.

Về con chung anh và chị Đ có một con chung đúng như chị Đ trình bầy, sau ly hôn anh nhận trách nhiệm nuôi cháu N, không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị không có không yêu cầu giải quyết;

Tại biên bản về nguyện vọng của con ngày 09 tháng 9 năm 2019 cháu Lý Thị N - sinh ngày 09/03/2010 có nguyện vọng được sống cùng với bố là Lý Văn G.

Tại biên bản làm việc của giáo viên chủ nhiệm Nguyễn Thị T cho biết anh G thường xuyên điện thoại hỏi thăm tình hình học tập của cháu, và có mua sách cho cháu N, việc đưa đón cháu N đi học là do em trai anh G đưa đón, lực học của cháu cũng như sức khỏe của cháu N bình thường.

Tại biên bản làm việc, thu thập xác minh của thôn P, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang cung cấp hiện cháu N con anh G đang ở cùng ông bà nội sống tại thôn, ông bà Nội già yếu, bệnh tật, cháu N thỉnh thoảng lại sang ở với em trai anh G là Lý Văn Đ, bản thân anh G không chu cấp, phụ giúp đồng nào cho ông bà nội và gia đình em trai, kinh tế gia đình hai nhà đều quá khó khăn, nhưng không thuộc diện hộ nghèo, không có phương tiện đưa đón cháu N đi học, em trai anh G kinh tế tạm đủ ăn, nhưng hiện nay vợ chồng sắp sinh con thứ 2, nên cũng khó khăn cho việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu N, việc nộp học phí của cháu N thôn không nắm được, cháu N có nguyện vọng ở cùng bố là anh G, nhưng thực tế anh G không sinh sống và cư trú, có mặt tại thôn, do vậy không đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giaó dục cháu N, hiện anh G không có hộ khẩu tại thôn.

Tại biên bản làm việc của thôn L xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang cho biết việc chăm sóc, nuôi dậy con cái cũng như kinh tế gia đình, điều kiện đi lại sinh hoạt, học tập của chị Đ và gia đình là đảm bảo cho việc nuôi dậy cháu N, việc đưa đón cháu N đi học thuận lợi, đáp ứng được thời gian học tập của cháu, quan điểm của thôn nên giao cháu N cho chị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp lý.

Theo biên bản về việc tham khảo ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em (Phòng Văn hóa và thông tin và phòng LĐTB& XH thành phố H) cho biết: về quan hệ hôn nhân của anh G và chị Đ không cải thiện được tình cảm vợ chồng, anh chị đã sống ly thân. Tòa án căn cứ vào tình hình thực tế của anh chị để giải quyết. Về con chung: hiện anh G không có mặt tại địa phương thôn P, nghề nghiệp và mức thu nhập không ổn định, bản thân anh G không trực tiếp chăm sóc mà gửi con cho bố mẹ và em trai anh G chăm sóc, lại không chu cấp tiền nuôi con, để đảm bảo cuộc sống tốt nhất của cháu, Tòa nên giao cháu N cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc giáo dục chaú N đến khi trưởng thành.

Tại phiên tòa, chị Đ và anh G đều có mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm của mình là xin ly hôn, nuôi con chung.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1Điều 51,khoản 1 Điều 56,Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 144, khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 về án phí lệ phí tòa án.
- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Lý Thị Đ.
- Về con chung: Xử giao cháu Lý Thị N cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu N đến khi đủ 18 tuổi, anh G không phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu N, anh G được quyền qua lại thăm nom chăm sóc con chung. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.
- Về án phí: Buộc chị Lý Thị Đ phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về Tố tụng:*

Tại phiên tòa chị Lý Thị Đ và anh Lý Văn G đều có mặt. Xét thấy việc nguyên đơn chị Lý Thị Đ và bị đơn anh Lý Văn G hoàn toàn tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng được quy định tại khoản 5, 15, 16, Điều 70 BLTTDS, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 của BLTTDS tiến hành xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

[2] *Về Nội dung*:

Xét thấy việc chị Lý Thị Đ xin ly hôn với anh Lý Văn G là hoàn toàn có cơ sở bởi lẽ sau kết hôn được một thời gian cuộc sống sinh hoạt gia đình vợ chồng đã sẩy ra mâu thuẫn, không thể hòa hợp được, bản thân anh G thiếu chăm lo cho gia đình vợ con, không tu chí làm ăn xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dậy con cái, anh chị sống thân ai người ấy lo, việc ai người ấy làm. Như vậy tình cảm vợ chồng không có điều kiện để khắc phục. Khi chị Đ có yêu cầu xin ly hôn, anh G đồng ý ly hôn.

Từ những nhận định trên thấy rằng với tình trạng hôn nhân của chị Đ và anh G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Tòa cần áp dụng khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Đ được ly hôn với anh G là phù hợp.

Về con chung xét thấy hiện tại cháu Lý Thị N - sinh ngày 9/03/2010 đang sống cùng với gia đình bố mẹ anh G và em trai anh G. Việc chị Đ đề nghị ly hôn xin được nuôi cháu Lý Thị N, anh G hiện đang sinh sống làm ăn tại thành phố H, có hộ khẩu tại thôn T, xã P, không có mặt tại Thôn P, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang, không đảm bảo cho việc nuôi, dậy con, anh G không trực tiếp nuôi con mà giao con cho bố mẹ và vợ chồng em trai nuôi dưỡng, chăm sóc, nhưng anh G không chu cấp khoản tiền nào cho gia đình. Do đó cần xử giao cháu Lý Thị N cho chị Lý Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung xét việc chị Đ không yêu cầu anh G cấp dưỡng tiền nuôi cháu N, vì anh G không có nghề nghiệp và mức thu nhập ổn định. Tòa chấp nhận là có căn cứ.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Đ , anh G cùng xác nhận không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn cần áp dụng khoản 4 điều 147 bộ luật TTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ quốc Hội , buộc chị Lý Thị Đ phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51,khoản 1 Điều 56,Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng khoản 4 điều 147 BLTTDS năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lý Thị Đ về việc xin hôn.

Xử cho chị Lý Thị Đ được ly hôn anh Lý Văn G .

2. Về con chung:

Xử giao cháu Lý Thị N - sinh ngày 9/03/2010 cho chị Lý Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lý thị N cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh G không phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu N, anh G được quyền qua lại thăm nom chăm sóc con chung

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

3.Về tài sản chung, công nợ chung: không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm HNGĐ:

Chị Lý Thị Đ phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự thành phố H theo biên lai thu số:01219, ngày 23/5/2019,*(đã thi hành xong).*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn. Bị đơn có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Nơi nhận:
-TA Tỉnh
-VKS TP
-THADS
-UNBD xã P
-Các đương sự
- Lưu HS, BP

Sùng Thị Mai